TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2019/DS-ST
Ngày: 15 - 02 - 2019.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi và vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Trịnh Quốc Toàn;

Ông Trần Thanh Phong.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Ông Trần Minh Quyền – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2018/TLST – DS ngày 11 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018, và Quyết định hoãn phiên Tòa số 04/2019/QĐST- DS ngày 28 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: **Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L, 9L)** sinh năm: 1970(Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Trần Văn T, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2018, bản tự khai ngày 13/8/2018, và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

1. Tiền nợ hụi:

Bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L, 9L) có trực tiếp tham gia chơi 07 dây hụi do bà làm chủ hụi. Cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ 1: Hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, khui vào ngày 25/5/2015 (âm lịch), tháng khui 01 lần vào ngày 25 (âm lịch) hàng tháng, dây hụi có 31 phần. Bà H chơi 02 phần, 02 phần hụi bà H đã hốt đầy đủ ở lần khui thứ 5 ngày 25/9/2015 (âm lịch), bà đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H là 22.740.000 đồng và hốt ở lần khui thứ 8 ngày 25/12/2015 (âm lịch) đã giao đủ số tiền hốt hụi là 23.560.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà H đóng hụi chết đến ngày 01/7/2017 (âm lịch), sau đó ngưng không đóng hụi chết cho đến nay. Dây hụi này tính đến ngày mãn hụi ngày 25/11/2017 (âm lịch) thì bà H còn nợ lại 04 kỳ hụi chết không đóng với số tiền là 8.000.000 đồng (1.000.000 đồng x 02 phần x 04 tháng). Bà đã choàng hụi đóng thay cho bà H đến ngày mãn hụi. Nên dây hụi này bà H còn nợ lại bà **8.000.000 đồng.**

- Dây hụi thứ 2: Hụi mệnh giá 2.000.000 đồng,khui vào ngày 10/11/2015 (âm lịch), tháng khui 01 lần vào ngày 10 (âm lịch) hàng tháng, dây hụi có 25 phần. Bà H chơi 03 phần, trong đó có 02 phần hụi bà H đã hốt cùng một lần khui thứ 4 ngày 10/02/2016 (âm lịch), phần hụi thứ 2 bà tự lấy tiền của bà giao đủ cho bà H, sau đó bà sẽ hưởng phần hụi của bà H, bà đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H của phần thứ 1 là 35.450.000 đồng, số tiền hốt hụi ở phần thứ 2 là 37.640.000 đồng. Phần thứ 3, bà H hốt ở lần khui thứ 9 ngày 10/7/2017 (âm lịch) đã giao đủ số tiền hốt hụi là 38.190.000 đồng. Dây hụi này tính đến ngày mãn hụi ngày 10/11/2017 (âm lịch) thì bà H còn nợ lại 04 kỳ hụi chết không đóng với số tiền là 24.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 03 phần x 04 tháng). Bà đã choàng hụi đóng thay cho bà H đến ngày mãn hụi. Nên dây hụi này bà H còn nợ lại bà **24.000.000 đồng.**

- Dây hụi thứ 3: Hụi mệnh giá 1.000.000đồng, khui vào ngày 30/02/2016 (âm lịch), tháng khui 01 lần vào ngày 30 (âm lịch) hàng tháng, dây hụi có 30 phần. Bà H chơi 09 phần, 09 phần hụi bà H đã hốt đầy đủ ở các lần khui như sau:

+ Phần thứ 1: Hốt ở lần khui thứ 4 ngày 30/5/2016 (âm lịch), đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H là 21.480.000 đồng.

+ Phần thứ 2: Hốt ở lần khui thứ 5 ngày 30/6/2016 (âm lịch), đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H là 21.500.000 đồng.

+ Phần thứ 3: Hốt ở lần khui thứ 6 ngày 30/7/2016 (âm lịch), đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H là 21.780.000 đồng.

+ Phần thứ 4: Hốt ở lần khui thứ 7 ngày 30/8/2016 (âm lịch), đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H là 22.520.000 đồng.

+ Phần thứ 5: Hốt ở lần khui thứ 8 ngày 30/9/2016 (âm lịch), đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H là 22.780.000 đồng.

+ Phần thứ 6: Hốt ở lần khui thứ 9 ngày 30/10/2016 (âm lịch), đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H là 22.410.000 đồng.

+ Phần thứ 7: Hốt ở lần khui thứ 10 ngày 30/11/2016 (âm lịch), đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H là 22.500.000 đồng.

+ Phần thứ 8: Hốt ở lần khui thứ 11 ngày 30/12/2016 (âm lịch), đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H là 22.420.000 đồng.

+ Phần thứ 9: Hốt ở lần khui thứ 12 ngày 30/01/2017 (âm lịch), đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H là 22.560.000 đồng.

Sau khi hốt hụi bà H đóng hụi chết đến ngày 01/7/2017 (âm lịch), sau đó ngưng không đóng hụi chết cho đến nay. Dây hụi này tính đến ngày mãn hụi ngày 30/6/2018 (âm lịch) (năm 2017 âm lịch nhuần 02 tháng 06) thì bà H còn nợ lại 13 kỳ hụi chết không đóng với số tiền là 117.000.000đồng (1.000.000 đồng x 09 phần x 13 tháng). Bà đã choàng hụi đóng thay cho bà H đến ngày mãn hụi. Nên dây hụi này bà H còn nợ lại bà **117.000.000 đồng.**

- Dây hụi thứ 4: Hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, khui vào ngày 20/8/2016 (âm lịch), tháng khui 01 lần vào ngày 20 (âm lịch) hàng tháng, dây hụi có 21 phần. Bà H chơi 04 phần, 04 phần hụi bà H đã hốt đầy đủ ở các lần khui như sau:

+ Phần thứ 1: Hốt ở lần khui thứ 3 ngày 20/10/2016 (âm lịch), đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H là 75.900.000 đồng.

+ Phần thứ 2: Hốt ở lần khui thứ 4 ngày 20/11/2016 (âm lịch), đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H là 76.250.000 đồng.

+ Phần thứ 3: Hốt ở lần khui thứ 6 ngày 20/01/2017 (âm lịch), đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H là 77.250.000 đồng.

+ Phần thứ 4: Hốt ở lần khui thứ 8 ngày 20/3/2017 (âm lịch), đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H là 81.250.000 đồng.

Sau khi hốt hụi bà H đóng hụi chết đến ngày 01/7/2017 (âm lịch), sau đó ngưng không đóng hụi chết cho đến nay. Dây hụi này tính đến ngày mãn hụi ngày 20/3/2018 (âm lịch) (năm 2017 âm lịch nhuần 02 tháng 06) thì bà H còn nợ lại 09 kỳ hụi chết không đóng với số tiền là 180.000.000đồng (5.000.000 đồng x 04 phần x 09 tháng). Bà đã choàng hụi đóng thay cho bà H đến ngày mãn hụi. Nên dây hụi này bà H còn nợ lại bà **180.000.000 đồng.**

- Dây hụi thứ 5: Hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, khui vào ngày 06/3/2016 (âm lịch), tháng khui 01 lần vào ngày 06 (âm lịch) hàng tháng, dây hụi có 32 phần. Bà H chơi 02 phần, 02 phần hụi bà H đã bỏ thăm hốt hụi ở lần khui thứ 3 ngày 06/5/2016 (âm lịch), phần hụi thứ 2 bà tự lấy tiền của bà giao đủ cho bà H, sau đó bà sẽ hưởng phần hụi của bà H, bà đã giao đủ số tiền hốt hụi của 02 phần là 80.650.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà H đã đóng hụi chết đến ngày 01/7/2017

(âm lịch), sau đó ngưng không đóng hụi chết nữa cho đến nay. Dây hụi này hiện nay chưa mãn, tính đến ngày mãn hụi ngày 06/9/2019 (âm lịch) thì bà H còn nợ lại 25 kỳ hụi chết không đóng với số tiền là 100.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 02 phần x 25 tháng). Nhưng bà H đồng ý tính đến ngày mãn hụi và kết nợ lại luôn. Nên dây hụi này bà H còn nợ lại bà **100.000.000 đồng.**

- Dây hụi thứ 6: Hụi mệnh giá 1.000.000đồng, khui vào ngày 15/10/2016 (âm lịch), tháng khui 01 lần vào ngày 15 (âm lịch) hàng tháng, dây hụi có 32 phần. Bà H chơi 01 phần, và đã bỏ thăm hốt hụi ở lần khui thứ 6 ngày 15/3/2017 (âm lịch), bà đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H là 23.480.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà H đóng hụi chết đến ngày 01/7/2017 (âm lịch), sau đó ngưng không đóng hụi chết cho đến nay. Dây hụi này hiện nay chưa mãn, tính đến ngày mãn hụi ngày 15/3/2019 (âm lịch), thì bà H còn nợ lại 22 kỳ hụi chết không đóng với số tiền là 22.000.000 đồng (1.000.000 đồng x 01 phần x 22 tháng). Nhưng bà H đồng ý tính đến ngày mãn hụi và kết nợ lại luôn. Nên dây hụi này bà H còn nợ lại bà **22.000.000 đồng.**

- Dây hụi thứ 7: Hụi mệnh giá 3.000.000đồng, khui vào ngày 15/12/2016 (âm lịch), tháng khui 01 lần vào ngày 15 (âm lịch) hàng tháng, dây hụi có 24 phần. Bà H chơi 01 phần, và đã bỏ thăm hốt hụi ở lần khui thứ 02 ngày 15/01/2017 (âm lịch), bà đã giao đủ số tiền hốt hụi cho bà H là 52.100.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà H đóng hụi chết đến ngày 01/7/2017 (âm lịch), sau đó ngưng không đóng hụi chết cho đến nay. Dây hụi này tính đến ngày mãn hụi ngày 15/10/2018 (âm lịch) thì bà H còn nợ lại 16 kỳ hụi chết không đóng với số tiền là 48.000.000 đồng (3.000.000 đồng x 01 phần x 16 tháng). Bà đã choàng hụi đóng thay cho bà H đến ngày mãn hụi. Nên dây hụi này bà H còn nợ lại bà **48.000.000 đồng.**

Như vậy, tổng số tiền hụi chết bà H nợ lại bà trong các dây hụi nêu trên với số tiền là 499.000.000 đồng. Đồng thời trước đó bà H có đóng hụi chết nhưng đóng không đầy đủ và bà có choàng thêm cho bà H tổng cộng với số tiền 100.500.000 đồng. Cho nên sau đó giữa bà và bà H kết nợ lại ngày 13/01/2018 (âm lịch) thì bà H còn nợ bà số tiền hụi chết của các dây hụi nêu trên là 599.500.000 đồng, giấy kết nợ ghi số tiền là 600.000.000 đồng, vì 02 bên thống nhất làm tròn tính số chẵn.

2. Tiền nợ vay:

Ngoài ra, bà H còn nợ bà số tiền vay 200.000.000 đồng, vay 02 lần:

+ Lần 1: Ngày 17/01/2017 (âm lịch) vay 200.000.000 đồng, hình thức trả góp mỗi ngày 2.600.000 đồng cho đến khi mãn, nhưng bà H chỉ góp được 58 ngày với số tiền 150.800.000 đồng, còn lại 42 ngày chưa trả cho bà với số tiền là 109.200.000 đồng. Việc vay tiền có làm giấy tay.

+ Lần 2: Ngày 05/3/2017 (âm lịch) vay 130.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi mỗi ngày 300.000 đồng, tiền vốn thì hẹn 20 ngày trả, vay tiền có làm giấy tay nhưng cho đến nay chưa trả vốn lẫn lãi cho bà.

Tổng cộng: tiền vay 02 lần cộng lại bà H còn nợ 239.200.000 đồng, nhưng khi làm giấy kết nợ tiền vay thì 02 bên thống nhất kết lại là 200.000.000 đồng. Vì vậy, số tiền nợ vay hiện nay bà H còn nợ bà là 200.000.000 đồng chẵn.

Do đó, bà H nợ bà tiền vay và tiền hụi là 800.000.000 đồng. Số tiền này bà H đã có viết giấy và ký nhận nợ. Sau khi kết nợ đến nay bà H đã trả cho bà được nhiều lần của số tiền nợ hụi là 125.000.000 đồng. Như vậy, bà H còn nợ bà số tiền hụi là 475.000.000 đồng và tiền vay là 200.000.000 đồng. Tổng cộng là 675.000.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L, 9L) và ông Trần Văn T phải liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi là 475.000.000 đồng và tiền nợ vay là 200.000.000 đồng. Tổng cộng là 675.000.000 đồng vì mục đích bà H chơi hụi vay tiền của bà để về cất nhà ở từ tháng 02/2017. Và trả tiền lãi suất của số tiền vay 200.000.000 đồng theo mức lãi suất 0,75%/tháng, tính từ ngày 01/7/2017 cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên Tòa: Bà T chỉ yêu cầu trả vốn là 675.000.000 đồng, và không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nợ vay 200.000.000 đồng cũng như nợ hụi.

** Tại biên bản hòa giải ngày 15/10/2018, ngày 18/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L, 9L) trình bày:*

Bà thống nhất với phần trình bày của bà T về các dây hụi bà tham gia chơi của bà T và số tiền nợ vay như bà T trình bày là đúng.

Nay bà thừa nhận có nợ bà Nguyễn Thị T số tiền hụi chết là 600.000.000 đồng và nợ vay 200.000.000 đồng. Tổng cộng nợ 800.000.000 đồng, 02 bên có làm giấy kết nợ, bà có viết giấy và ký tên nhận nợ. Sau khi kết nợ bà đã trả cho bà T được số tiền nợ hụi chết là 125.000.000 đồng, còn nợ lại 475.000.000 đồng và tiền nợ vay 200.000.000 đồng. Nên hiện tại chỉ nợ bà T số tiền là 675.000.000 đồng.

Bà xin trả dần số nợ này, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, vì hiện bà không có khả năng trả nhiều hơn.

Nay bà T không tính lãi thì bà thống nhất không có ý kiến gì.

Mục đích bà chơi hụi, hốt hụi và vay tiền là để mua bán, làm ăn và chi tiêu cho sinh hoạt gia đình.

Đối với yêu cầu buộc ông Trần Văn T chồng bà phải liên đới trả số nợ này, thì mặc dù bà với ông Trần Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, còn chung sống và sinh hoạt với nhau trong gia đình. Ông T có biết bà chơi hụi với bà T, nhưng không biết rõ việc chơi hụi cụ thể và số tiền nợ bao nhiêu, nên bà T yêu cầu ông T liên đới trả nợ thì bà không đồng ý mà bà tự chịu trách nhiệm trả.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T*: trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng ông đều vắng mặt, nên không thu thập được lời khai của ông.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ*

khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Về *tuân theo pháp luật tố tụng :*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

Bà T khởi kiện yêu cầu bà H và ông T liên đới trả số tiền nợ hụi và vay là 675.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Bà H thừa nhận có nợ bà T số tiền 675.000.000 đồng nhưng xin trả dần, nên việc bà T khởi kiện bà H trả nợ cho bà là có căn cứ. Đối với yêu cầu buộc ông T liên đới, mặc dù bà H không đồng ý để ông T liên đới mà tự chịu trách nhiệm trả nợ nhưng việc bà H vay tiền, chơi hụi nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình, nên căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc bà H và ông T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà T là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2005, Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường, để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Bị đơn bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L, 9L), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng ông, bà đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông bà là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Từ năm 2015 cho đến 2017 giữa bà T và bà H có xác lập giao dịch chơi hụi và vay tiền với nhau và 02 bên đã kết nợ lại vào ngày 13/01/2018 (âm lịch), với số tiền nợ hụi là 600.000.000 đồng nhưng bà H đã trả được 125.000.000 đồng, còn nợ lại 475.000.000 và nợ tiền vay 200.000.000 đồng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà H cùng chồng là ông T có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hụi và nợ vay là 675.000.000 đồng. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự

năm 2015, Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Giấy xác nhận ngày 29/5/2018, ngày 04/6/2018, ngày 14/02/2019 của Công an xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre xác nhận bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn T hiện còn đang sinh sống tại ấp H, xã L, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[4]. Trong quá trình giải quyết vụ án, đối với các tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H giao nộp bổ sung và Tòa án thu thập bổ sung sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nên Hội đồng xét xử công bố tại phiên Tòa là phù hợp với quy định tại Điều 254 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* *Về nội dung:*

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L, 9L) cùng chồng là ông Trần Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi và nợ vay là 675.000.000 đồng.

[6]. Cơ sở chứng cứ:

+ Giấy tay không đề ngày tháng năm bắt đầu bằng dòng chữ **"***lấy hụi Tho gốp ngày 17 tháng giêng 2017*", kết thúc bằng dòng chữ *"là hai trăm triệu đồng chẵn"* **(Bút lục 29, Tập 4);**

+ Giấy kết nợ ngày 13/01/2018 **(Bút lục 30, Tập 4);**

+ Giấy tay vay tiền ngày 05/3/2016 **(Bút lục 31, Tập 4);**

[7]. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của bà T trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đều xác định giữa bà với bà H có giao dịch chơi hụi và vay tiền với nhau từ năm 2015 cho đến nay, theo đó bà H tham gia chơi 07 dây hụi do bà T làm chủ hụi, và tất cả 07 dây hụi này bà H đều đã hốt hụi và được bà T giao số tiền hốt hụi đầy đủ cho bà H, nhưng sau khi hốt hụi xong thì bà H thực hiện nghĩa vụ đóng tiền hụi chết không đầy đủ và từ ngày 01/7/2017 (âm lịch) thì ngưng không đóng hụi chết cho đến nay, nên số tiền nợ hụi của bà H là nợ tiền hụi chết, đến ngày 13/01/2018 (âm lịch), giữa 02 bên kết nợ lại với số tiền nợ hụi là 600.000.000 đồng và sau đó bà H trả được cho bà 125.000.000 đồng tiền hụi, nên chỉ còn nợ lại 475.000.000 đồng.

[8]. Ngoài ra, bà H còn vay của bà T 02 lần và sau khi kết nợ lại với số tiền 200.000.000 đồng cho đến nay chưa trả. Nên tổng cộng bà H còn nợ bà T là 675.000.000 đồng.

[9]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận có giao dịch chơi hụi và vay tiền như lời bà T trình bày là đúng, số nợ hụi giữa 02 bên kết nợ lại đến ngày mãn hụi là 600.000.000 đồng, bà đã trả được 125.000.000 đồng, nên chỉ còn nợ lại 475.000.000 đồng, mặc dù trong 07 dây hụi có 02 dây chưa đến ngày mãn hụi nhưng bà đồng ý kết nợ tính đến ngày mãn hụi luôn, nên số tiền ra

là 600.000.000 đồng. Về tiền vay, bà thừa nhận có vay của bà T và sau khi kết nợ lại với số tiền 200.000.000 đồng cho đến nay chưa trả. Tổng cộng số nợ hụi và nợ vay, bà thừa nhận còn nợ bà T là 675.000.000 đồng. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là các giấy tay vay tiền, giấy tay kết nợ đều được bà H thừa nhận do chính bà viết và ký tên **(Bút lục 29, 30, 31- Tập 4)**. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

[10]. Từ cơ sở trên, xác định được giữa bà T và bà H có quan hệ giao dịch chơi hụi và vay tiền, được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[11]. *Đối với nợ hụi:* Sau khi chơi hụi bà H đều đã hốt hụi ở tất cả 07 dây hụi và nhận đủ tiền hốt hụi do bà T giao, nhưng bà H đã không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết lại cho bà T đầy đủ, nên bà T làm chủ hụi đã thực hiện nghĩa vụ choàng hụi, đóng hụi chết thay cho bà H. Vì vậy, nay bà H chưa thanh toán đầy đủ cho phía bà T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định tại Điều 28, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[12]. *Đối với nợ vay:* Bà H đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn cho bà T đầy đủ; nên bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả 200.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[13]. Do đó, nay bà T khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho bà số tiền nợ 675.000.000 đồng, trong đó nợ hụi là 475.000.000 đồng, nợ vay là 200.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14]. *Xét yêu cầu tính lãi suất:* Trong quá trình giải quyết vụ án, thì bà T yêu cầu trả tiền lãi suất của số tiền vay 200.000.000 đồng theo mức lãi suất 0,75%/tháng, tính từ ngày 01/7/2017 đến khi kết thúc vụ án. Và bà đã tạm tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 05/6/2018 với số tiền lãi là 13.500.000 đồng.

[15]. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T xin rút lại yêu cầu tính lãi của số tiền nợ vay, bà không yêu cầu bà H và ông T phải trả lãi suất của số tiền nợ vay và nợ hụi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà T và yêu cầu này phù hợp với quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét yêu cầu của bà T về việc buộc ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ liên đới với bà H để trả số tiền nợ 675.000.000 đồng: *Hội đồng xét xử xét thấy:*

[16]. Mục đích bà H chơi hụi, hốt hụi và vay tiền là để mua bán, làm ăn và chi tiêu cho sinh hoạt gia đình. Bà cũng xác định ông Trần Văn T là chồng bà, hai vợ chồng có đăng ký kết hôn, còn chung sống và sinh hoạt với nhau

trong một gia đình, điều này phù hợp với biên bản xác minh tại chính quyền địa phương ngày 04/01/2019 xác định ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn, phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn giữa bà H và ông T cấp ngày 07/8/1996 do bà H giao nộp. Ông T có biết bà chơi hụi với bà T, nhưng chỉ không biết rõ việc chơi hụi cụ thể và số tiền nợ bao nhiêu. Bà H không đồng ý để ông T liên đới trả nợ với bà, mà bà tự chịu trách nhiệm trả. Nhưng số tiền nợ này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông T và mục đích chơi hụi, vay tiền là để nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình.

[17]. Do đó, bà H và ông T phải có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ cho bà T là đúng quy định pháp luật tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Xét yêu cầu xin trả dần của H:

[18]. Bà H xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ nêu trên, do hiện bà không có khả năng trả nhiều hơn nhưng không được bà T đồng ý. *Hội đồng xét xử xét thấy*, đây là sự thỏa thuận của các đương sự tại giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[19]. **Vậy tổng cộng:** Số tiền mà bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T là 675.000.000 đồng.

[20]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

[21]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[22]. Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận toàn bộ, nên bà H và ông T phải liên đới chịu án phí của số tiền: 675.000.000 đồng, cụ thể:

675.000.000 đồng = 20.000.000 đồng + 4% của 275.000.000 đồng

= 31.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 254, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 28, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L, 9L) và ông Trần Văn T về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản*".

2. Buộc bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L, 9L) và ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ hụi và nợ vay là 675.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng), trong đó:

+ Tiền nợ hụi: 475.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

+ Tiền nợ vay: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị T cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L, 9L) và ông Trần Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T không yêu cầu bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L, 9L) và ông Trần Văn T trả lãi suất của số tiền nêu trên.

4. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L, 9L) và ông Trần Văn T về việc yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ vay.

5. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L, 9L) và ông Trần Văn T phải liên đới chịu là 31.000.000 đồng (Ba mươi mốt triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.720.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0018048 ngày 11 tháng 7 năm 2018 và 5.337.500 đồng (Năm triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0018049 ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L, 9L) và ông Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên